

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về chia tài
sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Triều.

2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2021, về “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn Minh T, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Số 2024/11, ấp Hòa D, xã Nhị M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Th.

- Bị đơn: Nguyễn Thị C, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số 22, KDC ấp An H, xã Mỹ An HB, huyện Lấp V, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 14/4/2021 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa Nguyễn Văn Minh T trình bày: Anh T và chị C tự nguyện cưới nhau vào tháng 01/2021, không đăng ký kết hôn, hôn nhân sống hạnh phúc

đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T và chị C không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, từ đó làm cho mâu thuẫn ngày càng nhiều và thật sự xa nhau từ 02/2021 đến nay. Quá trình sống chung tài sản chung gồm có 10 chỉ vàng 24k (Vàng 9,5 tuổi) và 3,5 chỉ vàng 18K (Vàng 7,5 tuổi) hiện do chị C giữ, không nợ chung, không con chung. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị C, về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Về con chung không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn Nguyễn Thị C trình bày: Chị C và anh T tự nguyện cưới nhau vào tháng 01/2021, không đăng ký kết hôn, hôn nhân sống đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị C và anh T không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều và thật sự xa nhau từ tháng 02/2021 đến nay. Quá trình sống chung chị C và anh T không nợ chung, tài sản chung gồm có 10 chỉ vàng 24k (Vàng 9,5 tuổi) và 3,5 chỉ vàng 18K (Vàng 7,5 tuổi), hiện do chị C giữ, không con chung, không nợ chung. Nay chị C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T, về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nợ chung không yêu cầu giải quyết, về con chung không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Việc anh Nguyễn Văn Minh T xin ly hôn với chị Nguyễn Thị C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa a T và chị C thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị C có địa chỉ cư trú: Số 22, khu dân cư ấp An H, xã Mỹ An HB, huyện Lấp Vò, tỉnh ĐT, nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Xét thấy anh Nguyễn Văn Minh T và chị Nguyễn Thị C tự nguyện cưới nhau và sống với nhau như vợ chồng, nhưng anh, chị không tiến hành đăng ký và thực hiện theo nghi thức kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị C, chị C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Tại điều luật dẫn giải trên xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh T là không phù hợp với Điều 14 của luật hôn nhân và gia đình.

Do đó, đường lối xét xử là không công nhận anh Nguyễn Văn Minh T với chị Nguyễn Thị C là quan hệ vợ chồng mới phù hợp khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị C xác định không con chung và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Tại đơn khởi kiện anh T xác định tài sản chung của vợ chồng giữa anh T và chị C là 10 chỉ vàng 24k (Vàng 9,5 tuổi) và 3,5 chỉ vàng 18k, hiện chị C đang giữ, anh T yêu cầu chị C trả lại anh T số tiền 46.000.000 đồng tương đương 10 chỉ vàng 24k (Vàng 9,5 tuổi). Tại phiên tòa hôm nay anh T rút phần yêu cầu này không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc anh T rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chị C trả lại anh T số tiền 46.000.000 đồng tương đương 10 chỉ vàng 24k (Vàng 9,5 tuổi) là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật. Nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần yêu cầu này của anh T.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147, 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Văn Minh T với chị Nguyễn Thị C là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Anh T và chị C xác định không con chung và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối yêu cầu của anh Nguyễn Văn Minh T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị C trả lại 46.000.000 đồng (Tương đương 10 chỉ vàng 24k).

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn Minh T và chị Nguyễn Thị C không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Minh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/0014062 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Anh Nguyễn Văn Minh T còn được nhận lại 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

6. Án xử có mặt anh Nguyễn Văn Minh T và chị Nguyễn Thị C báo cho anh T và chị C biết có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CC THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã Mỹ An Hưng B (Biết);
- UBND xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh (Biết);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quan Nam

